

Số: 432/BC-UBND

*Đồng Hới, ngày...24.... tháng...11....năm 2023*

**BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023 VÀ XÂY DỰNG  
DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024**

**PHẦN THỨ NHẤT  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Đồng Hới năm 2023, trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức lớn. Sản xuất kinh doanh trên địa bàn phục hồi chậm, nhiều doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do tác động của chính sách tiền tệ, lãi suất tăng, khó tiếp cận nguồn vốn vay từ hệ thống ngân hàng. Tình hình thị trường bất động sản trầm lắng làm ảnh hưởng đến nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất. Các khoản nợ đọng thuế có chiều hướng gia tăng, nhất là các khoản thu liên quan tới đất đai tại các dự án khu đô thị, khu dân cư... Những khó khăn thách thức này đã, đang tác động mạnh mẽ đến việc hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung, công tác thu và điều hành cân đối thu chi ngân sách trên địa bàn thành phố nói riêng. Song với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Thường vụ Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, sự cố gắng, nỗ lực của các phòng, ban, đơn vị, xã phường và của cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân, cùng với sự phối hợp của các cơ quan trong hệ thống chính trị đã tích cực thực hiện nhiều giải pháp tăng cường quản lý thu, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết... góp phần quan trọng trong khống chế, kiểm soát dịch bệnh, từng bước phục hồi và phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân, duy trì ổn định kinh tế.

Với những kết quả đã đạt được, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kết quả ước tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Đồng Hới năm 2023. Cụ thể như sau:

**1. Nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước:**

Trước tình hình khó khăn của nền kinh tế nói chung và để thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2023. Ngay từ đầu năm, thành phố đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều văn bản chỉ đạo, nhiều giải pháp tăng thu ngân sách, chỉ đạo cơ quan Thuế tập trung phân tích, đánh giá cũng như tìm các giải pháp cụ thể để rà soát, xác định những nguồn thu có tiềm năng, nguồn thu chưa khai thác hết, triển khai công tác hỗ trợ người nộp thuế nhanh chóng hồi phục sản xuất kinh doanh; đồng thời tăng cường quản lý thu ngân sách để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2023 đã được giao; triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý thuế, trong đó, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chống thất

thu thuế và đẩy mạnh quản lý nợ đọng thuế. Kết quả thu ngân sách nhà nước địa phương như sau:

Tổng thu ngân sách nhà nước ước thực hiện: 1.419 tỷ đồng, đạt 84,06% dự toán tính giao và đạt 83,12% dự toán thành phố giao, bằng 41,47% so với cùng kỳ. (Có phụ lục số 01 kèm theo), cụ thể:

Trong tổng số 12 khoản thu cân đối ngân sách địa phương những khoản thu ước đạt như sau: Có 6/12 khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán giao. Cụ thể: Thu từ khu vực DNNN địa phương ước đạt 100%; Thuế CTN DV NQD ước đạt 101,91%; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ước đạt 100%, thu phí và lệ phí ước đạt 100%, thu khác ước đạt 142%, thu hồi vốn lợi nhuận sau thuế ước đạt 183%. Có 6/12 khoản thu ước không đạt dự toán giao đó là: Lệ phí trước bạ ước đạt 56%, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước đạt 76%, thu tiền sử dụng đất ước đạt 87%, thu tiền thuê đất ước đạt 73%, thuế thu nhập cá nhân ước đạt 38%; thu tại xã ước đạt 47%. Các khoản thu đạt thấp nguyên nhân chủ yếu là do thị trường bất động sản trầm lắng, việc tổ chức đấu giá các dự án gặp nhiều khó khăn và không thành công, ngoài ra do chính sách thắt chặt lãi suất của nhà nước, gây khó khăn cho việc huy động vốn đầu tư và cung cầu thị trường, dẫn đến nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất, nhu cầu mua sắm, chuyển nhượng bất động sản giảm mạnh nên nguồn thu thuế trước bạ, thuế TNCN thấp.

Công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đã được triển khai tích cực song số nợ thuế vẫn đang còn ở mức cao. Tính đến thời điểm 31/10/2023 tổng nợ đọng thuế toàn thành phố là 73,4 tỷ đồng, trong đó nợ có khả năng thu hồi là 62,3 tỷ đồng.

Nguyên nhân ảnh hưởng đến nợ thuế là do các đơn vị nợ thuế gặp khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, thu hồi công nợ, khả năng thanh toán thấp dẫn đến nợ thuế...bên cạnh đó là ý thức chấp hành pháp luật thuế của một số doanh nghiệp, người nộp thuế chưa cao, còn chây ì, chiếm dụng tiền thuế. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong thu hồi và cưỡng chế nợ thuế hiệu quả chưa cao. Ngoài ra cũng thấy được nguyên nhân khách quan của việc nợ đọng thuế là do thiên tai, ảnh hưởng của nền kinh tế đã làm thiệt hại nặng nề, sản xuất kinh doanh thua lỗ, nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn nguồn tài chính để nộp tiền thuế nợ cho NSNN.

## **2. Nhiệm vụ chi ngân sách thành phố năm 2023:**

Thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Các cơ quan chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chủ động điều hành ngân sách theo quy định, tăng cường các biện pháp quản lý chi ngân sách chặt chẽ trong phạm vi dự toán giao. Công tác điều hành và quản lý chi ngân sách của các đơn vị, địa phương đã bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ và kế hoạch đề ra. Các nhiệm vụ chi ngân sách về cơ bản theo dự toán, đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Thành phố. Thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường

công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát chi trong quá trình chấp hành ngân sách, phát hiện và uốn nắn kịp thời, xử lý nghiêm những trường hợp chi sai, vượt chế độ và định mức quy định hiện hành.

Trong bối cảnh tình hình thu ngân sách khó khăn trong khi nhu cầu chi ngân sách vẫn phải đảm bảo các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách. Với số thu cân đối ngân sách của địa phương thực hiện được, cùng với bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh theo kế hoạch và bổ sung trong năm nên chi ngân sách địa phương năm 2023 cơ bản đã sử dụng NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết....

Tổng chi ngân sách thành phố ước thực hiện năm 2023 là: 1.136 tỷ đồng (Có phụ lục số 02 kèm theo) trong đó:

2.1 Chi cân đối ngân sách địa phương: Ước thực hiện 750,1 tỷ đồng, gồm:

- Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 251,5 tỷ đồng, đạt 58% so với kế hoạch vốn giao từ đầu năm. (trong đó kế hoạch vốn kéo dài năm 2022 chuyển nguồn và nguồn vượt thu tiền sử dụng đất chuyển nguồn được hạch toán nguồn chi ngoài dự toán)

Năm 2023 ngay từ đầu năm, UBND thành phố đã quán triệt xác định đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế để đạt kế hoạch giao. Tuy nhiên, do nguồn thu cấp quyền sử dụng đất không đạt dự toán nên tỷ lệ giải ngân so với tiến độ thu ngân sách. UBND thành phố chủ động rà soát, báo cáo HĐND thành phố điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nhằm đảm bảo tính khả thi của kế hoạch và nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn trong năm và ước đạt 85% so với số kế hoạch vốn được điều chỉnh qua Kho bạc (Bao gồm kế hoạch vốn ngoài kế hoạch).

- Chi thường xuyên: Ước thực hiện 493 tỷ đồng, đạt 96% so với dự toán giao. Năm 2023 điều hành chi ngân sách cơ bản đảm bảo theo tiến độ dự toán.

- Chi dự phòng: Được giao đầu năm là 18,7 tỷ. Trong năm UBND thành phố đã có nhiều văn bản chỉ đạo hạn chế sử dụng nguồn dự phòng để bù hụt thu ngân sách. Năm 2023 ước thực hiện 5,6 tỷ đồng, đạt 30% so với dự toán giao (gồm chi phục vụ diễn tập, kinh phí phòng cháy chữa cháy...).

2.2 Chi bổ sung ngân sách xã, phường: Thành phố chi bổ sung cho ngân sách xã, phường 37,2 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

2.3 Chi ngoài dự toán: Ước thực hiện 349 tỷ đồng, đạt 54,3% số được giao (bao gồm nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu, chi chuyển nguồn ngân sách năm 2022 qua năm 2023)

Năm 2023, trong điều kiện nền kinh tế suy giảm, thu ngân sách nhà nước tăng chậm, vừa triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, duy trì sản xuất kinh doanh nhằm phục hồi phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an sinh xã hội. Nhìn chung điều hành chi ngân sách cơ bản được đảm bảo kịp thời mọi hoạt động của các cơ quan, đơn vị; tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an

sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh.

## **PHẦN THỨ HAI** **DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024** **VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Năm 2024 là năm có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng tốc thực hiện và phân đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025, góp phần triển khai các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030. Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2024; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025; Căn cứ vào dự toán ngân sách năm 2024 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố năm 2024 cụ thể như sau:

### **I. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024:**

#### **1. Thu ngân sách:**

**1.1. Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước trên địa bàn:** 1.780,7 tỷ đồng, bằng 104% dự toán thành phố giao năm 2023, bằng 125% so với ước thực hiện năm 2023, bằng 100% so với dự toán tỉnh giao năm 2024. (*Chi tiết có phụ lục số 03 kèm theo*), trong đó có các khoản thu chủ yếu sau:

- Thu doanh nghiệp nhà nước địa phương: 6 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán thành phố giao và ước thực hiện năm 2023.

- Thuế công thương nghiệp dịch vụ ngoài quốc doanh: 97 tỷ đồng, bằng 114% so với dự toán thành phố giao năm 2023 và bằng 112% so với ước thực hiện năm 2023.

- Lệ phí trước bạ: 98 tỷ đồng, bằng 62% so với dự toán thành phố giao năm 2023 và bằng 111% so với ước thực hiện năm 2023.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 9,5 tỷ đồng, bằng 77% so với dự toán thành phố năm 2023 và bằng 112% so với ước thực hiện năm 2023.

- Tiền thuê đất: 11,8 tỷ đồng, bằng 106% so với dự toán thành phố giao năm 2023 và bằng 144% so với ước thực hiện năm 2023.

- Thuế thu nhập cá nhân: 41 tỷ đồng, bằng 43% so với dự toán thành phố giao năm 2023, bằng 112% so với ước thực hiện năm 2023.

- Thu tiền sử dụng đất: 1.481 tỷ đồng, bằng 114% so với dự toán thành phố giao năm 2023, bằng 131% so với ước thực hiện năm 2023.

- Thu khác: 24 tỷ đồng, bằng 87% so với dự toán thành phố giao năm 2023, bằng 59% so với ước thực hiện năm 2023.

#### **1.2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 291 tỷ đồng.**

*Trong đó: Thu bổ sung cân đối : 248 tỷ đồng.*

*Thu bổ sung có mục tiêu: 43 tỷ đồng.*

**1.3. Thu điều tiết từ các khoản thu do tinh quản lý: 63.000 triệu đồng.**

**1.4 Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang: 84 tỷ đồng.**

## **2. Chi Ngân sách:**

Xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương trên cơ sở số thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng và số bổ sung của ngân sách cấp trên, số liệu giao chi thường xuyên năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã phường được thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đặc biệt, trong bối cảnh cân đối ngân sách nhà nước năm 2024 khó khăn, dự toán chi NSNN năm 2024 được xây dựng trên nguyên tắc công khai, minh bạch, thực hiện tiết kiệm, đúng tính chất nguồn kinh phí, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ nhà nước đã ban hành, chi an sinh xã hội, đảm bảo các nhiệm vụ chính trị quan trọng khác...; hạn chế mua sắm trang thiết bị đắt tiền, tiếp tục thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài ...

Năm 2024 xác định quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng do ngân sách nhà nước đảm bảo và tất cả các chế độ an sinh xã hội theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Bố trí chi dự phòng theo quy định để đảm bảo xử lý kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm.

Ủy ban nhân dân thành phố dự kiến phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố năm 2024 như sau:

Tổng chi ngân sách thành phố năm 2024 là: 1.035 tỷ đồng bằng 107% so với dự toán năm 2023 (*Có phụ lục số 04 kèm theo*).

### **2.1. Chi đầu tư phát triển:**

Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với các nghị quyết, kết luận của Ban chấp hành Đảng bộ và HĐND về phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định của Luật ĐTC, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Về phương án phân bổ vốn đầu tư công ưu tiên bố trí dự toán năm 2024 để thanh toán các dự án hoàn thành, chuyển tiếp, mức bố trí phù hợp với tiến độ thực hiện và giải ngân trong năm 2024.

Tổng số nguồn chi đầu tư phát triển của thành phố là 417,5 tỷ đồng bằng 97% so với dự toán năm 2023, trong đó: dự toán chi từ nguồn vốn tập trung tỉnh giao: 20,5 tỷ đồng; từ nguồn thu quỹ đất: 397 tỷ đồng; (*Chi tiết tại phụ lục đầu tư công*)

### **2.2. Chi thường xuyên:**

Trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ nhà nước đã ban hành, nhất là chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách chi cho người dân trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

Tổng chi 599 tỷ đồng, bằng 116% so với dự toán năm 2023, trong đó: Bố trí chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, chi dự phòng bằng dự toán tỉnh giao.

**2.3. Chi bổ sung cân đối cho ngân sách các xã, phường:** 54,5 tỷ đồng, bằng 146% so với dự toán 2023.

Tóm lại: Năm 2024 trong điều kiện cân đối ngân sách nhà nước còn khó khăn, vì vậy các địa phương, đơn vị phải tích cực chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thu và tiết kiệm trong chi tiêu, tiết kiệm, đúng tính chất nguồn kinh phí, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, đảm bảo các nhiệm vụ chính trị quan trọng... phân đấu tăng thu ngân sách mới có thể đáp ứng được các nhiệm vụ chi. Việc điều hành ngân sách cần được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, trường hợp có biến động lớn Ủy ban nhân dân thành phố cần có các giải pháp để điều hành nhiệm vụ chi phù hợp.

### **3. Nhiệm vụ thu, chi của ngân sách xã, phường:**

Năm 2024, các khoản thu giao cho các xã phường trên cơ sở số dự toán Tỉnh giao cho thành phố. Kinh phí phân bổ cho các xã, phường trong dự toán chi theo đúng các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2022-2025 được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Đã tính đủ lương và các khoản phụ cấp theo chế độ cải cách tiền lương (mức lương tối thiểu 1.800.000 đồng). Ngoài các định mức chi, các chế độ chính sách đã được tính toán và bố trí trong dự toán giao 2024.

Về chi đầu tư xây dựng cơ bản: Nguồn vốn quỹ đất được hưởng giao các xã, phường: 163,1 tỷ đồng.

Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, các địa phương bố trí vốn Đầu tư phát triển năm 2024. Tùy vào tình hình đặc điểm của địa phương, khả năng cân đối vốn của địa phương để bố trí phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân từng dự án. Xử lý nợ đọng thì mới bố trí đầu tư xây dựng mới các công trình cần thiết, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục theo quy định.

Để đảm bảo cân đối ngân sách, trong quá trình điều hành ngân sách các xã, phường cần căn cứ số thu tiền sử dụng đất được hưởng để thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đã bố trí phù hợp với tiến độ thu ngân sách về tiền sử dụng đất.

Chỉ tiêu chi sự nghiệp giáo dục đào tạo giao Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí dự toán 2024 cấp mình không được thấp hơn số thành phố giao. Ngân sách địa phương bố trí chi dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách.

\* Như vậy tổng thu ngân sách xã phường được hưởng là: 260 tỷ đồng, trong đó:

- Thu ngân sách trên địa bàn xã phường được hưởng theo phân cấp: 194 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 61,5 tỷ đồng.

- Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý: 1,7 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang: 2,8 tỷ đồng.

\* Tổng chi ngân sách xã phường: 260 tỷ đồng.

*(Các chỉ tiêu nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã, phường có phụ lục số 05 và phụ lục 06 kèm theo).*

## **II. Các giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán ngân sách năm 2024.**

Nhiệm vụ thu ngân sách năm 2024 hết sức nặng nề, trong khi đó nhu cầu kinh phí phục vụ các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội ngày càng nhiều. Theo dự báo thì kinh tế nước ta nói chung và thành phố nói riêng trong năm tới vẫn còn gặp khó khăn. Do đó, để đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ tài chính - ngân sách và giữ vững cân đối NSNN năm 2024. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị địa phương tập trung triển khai thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

### ***1. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.***

Các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đặc biệt là tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các dự án trọng điểm theo đúng tiến độ góp phần tạo nguồn thu ổn định, vững chắc cho NSNN; phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế nắm chắc nguồn thu để thực hiện các giải pháp đồng bộ để tăng thu, nhất là các địa bàn, lĩnh vực, doanh nghiệp có nguồn thu lớn. Tập trung hỗ trợ, giải quyết kịp thời những vướng mắc cho doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn về thuế, đặc biệt là cách tiếp cận để đề ra các biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ phục vụ người nộp thuế một cách hiệu quả, thiết thực. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh để tăng thu cho NSNN.

### ***2. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế.***

- Cơ quan thuế tập trung triển khai thực hiện các giải pháp thu hồi nợ thuế, đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế, hạn chế nợ phát sinh; phân loại các khoản nợ thuế để thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân thành phố để chỉ đạo các cơ quan chức năng phối

hợp với cơ quan thuế trong việc đôn đốc, thu hồi và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo pháp luật quy định.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch về công tác chống thất thu trong lĩnh vực: khai thác khoáng sản, xây dựng vận tải, dịch vụ du lịch, thu thuế ngoài quốc doanh, hoạt động chuyển nhượng bất động sản ... Tăng cường công tác chống thất thu thuế đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản tư nhân trên địa bàn.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu từ nguồn cấp quyền sử dụng đất: Các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã phường phải xây dựng phát triển quỹ đất để tăng từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất ngay từ đầu năm, đề ra các giải pháp đồng bộ để chỉ đạo triển khai thực hiện tốt, trong đó: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trên địa bàn. Tổ chức tuyên truyền, đối thoại, vận động các hộ dân chấp hành quyết định thu hồi đất đảm bảo tiến độ thời gian đề ra, trước mắt tập trung giải quyết các công trình trọng điểm của tỉnh và các dự án hạ tầng kỹ thuật tạo nguồn quỹ đất trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Chi cục thuế khu vực Đồng Hới - Quảng Ninh, UBND các xã, phường tổ chức thực hiện dự toán được giao, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, tăng cường các biện pháp thu ngân sách, đặc biệt chú trọng các chỉ tiêu thu trong cân đối. Thực hiện các biện pháp tích cực để rà soát, thống kê, quản lý chặt chẽ hộ kinh doanh thuộc phạm vi được giao quản lý. Tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong giao dịch, kê khai và các thủ tục liên quan đến công tác thuế. Tăng cường sự phối hợp với Cục thuế, Sở Tài chính, các phòng ban liên quan để đôn đốc thu tiền sử dụng đất theo chỉ tiêu kế hoạch giao. Quản lý chặt chẽ nguồn thu, phát triển và nuôi dưỡng nguồn thu vững chắc.

### ***3. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.***

- Chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao và luật ngân sách nhà nước, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn. Căn cứ khả năng thu ngân sách, chủ động sắp xếp, điều hành các nhiệm vụ chi và áp dụng các giải pháp phù hợp để bảo đảm cân đối ngân sách các cấp. Quản lý chặt chẽ việc phân bổ, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách đã bố trí trong dự toán ở ngân sách các cấp, tập trung ưu tiên xử lý các nhiệm vụ cấp thiết cho phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật đầu tư công, các Chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cân đối nguồn vốn theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới. Tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn NSNN, xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành.

- Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; lồng ghép các chính sách, tiết kiệm triệt để các khoản chi ngay từ khâu phân bổ dự toán và thực hiện dự toán, giảm tối đa các khoản chi hội nghị, hội thảo, khánh tiết, lễ hội; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; hạn chế mua sắm trang thiết bị đắt tiền, mở rộng hình thức khoán xe ô tô đảm bảo hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

- Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời theo tiến độ các khoản kinh phí đã bố trí trong dự toán NSNN năm 2024 cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

#### **4. Tăng cường công tác quản lý thị trường, giá cả.**

Các phòng, ban, đơn vị kiểm tra việc chấp hành các quy định về niêm yết giá, quản lý giá, phí, lệ phí, thực hiện công tác thông tin khuyến cáo mức giá các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá của nhà nước quy định; tăng cường công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

#### **5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.**

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch việc sử dụng kinh phí ngân sách. Tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Yêu cầu hệ thống Kho bạc Nhà nước tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2023, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. /

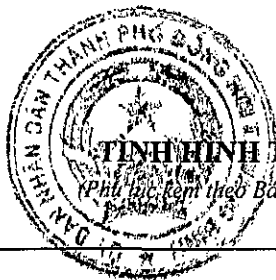
#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Phòng Tài chính - KH TP;
- Chi cục thuế KV Đồng Hới - QN;
- Lưu VP HĐND-UBND TP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Ngọc Đan**



## BÁO CÁO

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 432/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố)

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	DT năm 2023		TH đến 9 tháng	Ước thực hiện 2023	Ư' TH so với (%)		
			Tỉnh giao	TP giao			Tỉnh giao	TP giao	Năm 2022
	<b>TỔNG THU</b>	<b>3.422.945</b>	<b>1.688.560</b>	<b>1.707.574</b>	<b>830.065</b>	<b>1.419.380</b>	<b>84,06</b>	<b>83,12</b>	<b>41,47</b>
	<i>Tr.đó: Thu trong cân đối (Trừ SD đất)</i>	<i>355.606</i>	<i>388.560</i>	<i>407.574</i>	<i>226.111</i>	<i>287.886</i>	<i>74,09</i>	<i>70,63</i>	<i>80,96</i>
1	Thu DN Trung ương								
2	Thu DN có vốn ĐT nước ngoài								
3	Thu DNNN địa phương	7.615	6.000	6.000	5.943	6.000	100,00	100,00	78,79
4	Thuế CTN DV NQD	75.032	85.000	85.000	69.640	86.620	101,91	101,91	115,44
5	Lệ phí trước bạ	134.742	155.000	157.000	65.993	88.000	56,77	56,05	65,31
6	Thuế SD đất phi nông nghiệp	9.345	7.610	12.318	7.553	9.400	123,52	76,31	100,59
7	Thu tiền CQKT khoáng sản	2.527	2.500	2.500	1.546	2.500	100,00	100,00	98,93
8	Thu tiền sử dụng đất	3.067.339	1.300.000	1.300.000	603.954	1.131.494	87,04	87,04	36,89
	- Trên địa bàn xã								
	- Trên địa bàn phường								
9	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	16.013	10.800	11.106	4.280	8.176	75,70	73,62	51,06
10	Thu phí và lệ phí	15.467	9.400	9.400	8.040	9.400	100,00	100,00	60,77
11	Thuế thu nhập cá nhân	73.021	95.000	95.000	27.756	36.640	38,57	38,57	50,18
12	Thu tại xã	416	950	950	312	450	47,37	47,37	108,17
13	Thu khác	20.679	15.700	27.700	34.000	39.600	252,23	142,96	191,50
	- Trong đó: Thu phạt ATGT				6.040	4.000			
14	Thu hồi vốn, lợi nhuận sau thuế	749	600	600	1.048	1.100	183,33	183,33	146,90

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2023**

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 432/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2023	Ước thực hiện năm 2023	So sánh UTH năm 2023/DT2023
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH TP (A+B+C)</b>	<b>1 640 389 358</b>	<b>1 136 502 216</b>	<b>69,28</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>961 226 318</b>	<b>750 160 185</b>	<b>78,04</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>429 194 000</b>	<b>251 598 160</b>	<b>58,62</b>
1	Nguồn vốn trong nước (nguồn vốn NS tỉnh cấp)	22 099 000	20 773 060	94,00
2	Nguồn quỹ đất	319 050 000	181 784 035	56,98
3	Chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất	88 045 000	49 041 065	55,70
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>513 280 405</b>	<b>492 936 451</b>	<b>96,04</b>
1	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	101 190 394	97 341 234	96,20
2	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	256 048 000	240 685 120	94,00
3	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ	26 666 100	26 666 100	100,00
4	SỰ NGHIỆP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	12 577 000	11 878 500	94,45
5	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN, THỂ DỤC THỂ THAO	9 131 579	9 126 165	99,94
6	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH			
7	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	33 249 461	33 249 461	100,00
8	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	53 149 568	53 149 568	100,00
9	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH ĐỊA PHƯƠNG	7 540 303	7 312 303	96,98
10	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	13 728 000	13 528 000	98,54
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	<b>18 751 913</b>	<b>5 625 574</b>	<b>30,00</b>
<b>B</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG</b>	<b>37 266 311</b>	<b>37 266 311</b>	<b>100,00</b>
1	Chi bổ sung cân đối	37 266 311	37 266 311	100,00
<b>C</b>	<b>CHI NGOÀI DỰ TOÁN</b>	<b>641 896 730</b>	<b>349 075 721</b>	<b>54,38</b>
1	Tính bổ sung có mục tiêu	28 072 515	28 072 515	100,00
2	Chi từ nguồn chuyển nguồn 2022 sang năm 2023	613 824 215	321 003 206	52,30

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 432/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện 2023	Dự toán 2024		So sánh DT 2024		
		Tỉnh	Thành phố		Tỉnh	Thành phố	DTTP 2023	ƯTH 2023	DTT 2024
<b>A</b>	<b>PHẦN THU</b>								
	<b>Tổng thu NSNN (I+II)</b>	<b>1.918.402</b>	<b>1.937.415</b>	<b>1.649.222</b>	<b>2.219.692</b>	<b>2.219.692</b>	<b>115%</b>	<b>135%</b>	<b>100%</b>
	<i>Trong đó: NSĐP được hưởng</i>	<i>1.071.807</i>	<i>1.014.732</i>	<i>1.193.785</i>	<i>1.223.831</i>	<i>1.295.892</i>	<i>128%</i>	<i>109%</i>	<i>106%</i>
<b>I</b>	<b>Thu tại địa bàn (1+2)</b>	<b>1.688.560</b>	<b>1.707.573</b>	<b>1.419.380</b>	<b>1.780.750</b>	<b>1.780.750</b>	<b>104%</b>	<b>125%</b>	<b>100%</b>
<b>1</b>	<b>Thu cân đối ngân sách</b>	<b>1.688.560</b>	<b>1.707.573</b>	<b>1.419.380</b>	<b>1.780.750</b>	<b>1.780.750</b>	<b>104%</b>	<b>125%</b>	<b>100%</b>
1.1	Thu DNNN ĐP	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	100%	100%	100%
1.2	Thu từ khu vực kinh tế NQD	85.000	85.000	86.620	97.000	97.000	114%	112%	100%
1.3	Thu thuế trước bạ	155.000	157.000	88.000	98.000	98.000	62%	111%	100%
1.4	Thuế SD đất phi NN	7.610	12.318	8.500	9.500	9.500	77%	112%	100%
1.5	Thu tiền thuê đất	10.800	11.106	8.176	11.800	11.800	106%	144%	100%
1.6	Thuế thu nhập cá nhân	95.000	95.000	36.640	41.000	41.000	43%	112%	100%
1.7	Thu phí, lệ phí	9.400	9.400	9.400	10.000	10.000	106%	106%	100%
1.8	Thu tiền sử dụng đất	1.300.000	1.300.000	1.131.494	1.481.000	1.481.000	114%	131%	100%
1.9	Thu hoa lợi công sản khác	950	950	450	350	350	37%	78%	100%
1.10	Thu khác TP	15.700	27.700	40.500	24.000	24.000	87%	59%	100%
	<i>Trong đó: Thu xử phạt ATGT</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>4.000</i>	<i>8.400</i>	<i>8.400</i>	<i>420%</i>	<i>210%</i>	<i>100%</i>
1.11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	2.500	2.500	2.500	1.500	1.500	60%	60%	100%
1.12	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSĐP hưởng 100%	600	600	1.100	600	600	100%	55%	100%
<b>II</b>	<b>Bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>168.923</b>	<b>168.923</b>	<b>168.923</b>	<b>291.194</b>	<b>291.194</b>	<b>172%</b>	<b>172%</b>	<b>100%</b>
1	Bổ sung cân đối	153.759	153.759	153.759	248.238	248.238	161%	161%	100%
2	Bổ sung có mục tiêu từ NS Tỉnh	15.164	15.164	15.164	42.956	42.956	283%	283%	100%
<b>III</b>	<b>Thu điều tiết từ các khoản do tỉnh quản lý</b>	<b>60.919</b>	<b>60.919</b>	<b>60.919</b>	<b>63.000</b>	<b>63.000</b>			<b>100%</b>
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang</b>				<b>84.748</b>	<b>84.748</b>			
	<b>PHẦN CHI</b>								
	<b>TỔNG CHI NSĐP (A+B)</b>	<b>940.114</b>	<b>1.095.871</b>	<b>932.645</b>	<b>1.223.831</b>	<b>1.295.892</b>	<b>118%</b>	<b>139%</b>	<b>106%</b>
<b>A</b>	<b>Tổng chi cân đối (I+II+III+IV+V)</b>	<b>932.906</b>	<b>1.090.693</b>	<b>927.467</b>	<b>1.180.875</b>	<b>1.288.921</b>	<b>118%</b>	<b>139%</b>	<b>109%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>409.226</b>	<b>519.356</b>	<b>510.426</b>	<b>519.904</b>	<b>580.604</b>	<b>112%</b>	<b>114%</b>	<b>112%</b>
<b>1</b>	<b>Chi xây dựng cơ bản</b>	<b>409.226</b>	<b>519.356</b>	<b>510.426</b>	<b>519.904</b>	<b>580.604</b>	<b>112%</b>	<b>114%</b>	<b>112%</b>
1.1	Vốn tập trung trong nước	21.026	21.026	21.026	20.464	20.464	97%	97%	100%
1.2	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	388.200	498.330	489.400	499.440	560.140	112%	114%	112%

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện 2023	Dự toán 2024		So sánh DT 2024		
		Tỉnh	Thành phố		Tỉnh	Thành phố	DTTP 2023	ƯTH 2023	DTT 2024
1.3	CP đầu tư hạ tầng								
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>505.022</b>	<b>552.679</b>	<b>406.219</b>	<b>619.713</b>	<b>685.059</b>	<b>124%</b>	<b>169%</b>	<b>111%</b>
1	Chi SN kinh tế								
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	227.758	235.141	235.141	307.694	307.694			
3	Chi SN Y tế,								
4	Chi SN Văn hóa-TT								
6	Chi SN phát thanh- Truyền hình								
7	Chi đảm bảo xã hội								
8	Chi QLHC-Đảng, Đoàn thể								
9	Chi ANQP địa phương								
10	Chi khác ngân sách								
11	Chi hoạt động môi trường								
12	Nguồn dự phòng kinh phí thực hiện các chế độ tăng thêm								
<b>III</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>18.658</b>	<b>18.658</b>	<b>10.822</b>	<b>23.258</b>	<b>23.258</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi mục tiêu từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</b>				<b>18.000</b>				
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương</b>								
<b>B</b>	<b>Chi chương trình mục tiêu</b>	<b>7.208</b>	<b>5.178</b>	<b>5.178</b>	<b>42.956</b>	<b>6.971</b>			

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024**

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 432/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	DỰ TOÁN NĂM 2024	So sánh DT2024/2023
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH TP</b>	<b>961 226 318</b>	<b>1 035 566 260</b>	<b>107,73</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>961 226 318</b>	<b>1 035 566 260</b>	<b>107,73</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>429 194 000</b>	<b>417 504 000</b>	<b>97,28</b>
1	Nguồn vốn trong nước (nguồn vốn NS tính cấp)	22 099 000	20 464 000	92,60
2	Nguồn quỹ đất	319 050 000	397 040 000	124,44
3	Chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất	88 045 000		
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>513 280 405</b>	<b>599 771 992</b>	<b>116,85</b>
<b>1</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>	<b>101 190 394</b>	<b>118 897 680</b>	<b>117,50</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí	1 975 000	1 993 000	100,91
1.2	Thủy lợi, nông nghiệp	400 000	400 000	100,00
1.3	Kinh phí hỗ trợ phát triển đất trồng lúa	1 048 000	1 048 000	100,00
1.4	Kinh phí xây dựng các mô hình và tập huấn đào tạo chuyển giao KHKT nông nghiệp	200 000	200 000	100,00
1.5	Kinh phí thực hiện đề án đào tạo nghề cho du lịch	350 000	350 000	100,00
1.6	KP học tập kinh nghiệm	1 000 000	1 000 000	100,00
1.7	Mua sắm, sửa chữa tài sản	1 300 000	1 000 000	76,92
1.8	Kinh phí quy hoạch	300 000		0,00
1.9	Chi lương và công việc Trung tâm DVNN và phụ cấp khuyến nông viên	1 161 412	1 292 989	111,33
1.10	Sự nghiệp lâm nghiệp	250 000	250 000	100,00
1.11	Đô thị loại 2	72 205 982	78 003 691	108,03
1.11.1	Kinh phí dịch vụ đô thị (bao gồm 800tr chi phí phục vụ công tác quản lý, giám sát dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố)	60 000 000	65 000 000	108,33
1.11.2	Kinh phí khác	6 600 000	6 200 000	93,94
1.11.3	Các hoạt động sự nghiệp giao thông, xây dựng	400 000	400 000	100,00
1.11.4	BQL dịch vụ công ích thành phố	1 360 788	2 087 196	153,38
1.11.5	Đội quy tắc đô thị	3 845 194	4 316 494	112,26
1.12	Kinh phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	18 000 000	18 000 000	100,00
1.13	Kinh phí tiền lương, vận hành, phục vụ các hoạt động và trang trí Tết nguyên đán 2024 tại Quảng trường Hồ Chí Minh (BQL dịch vụ công ích TP)	3 000 000	4 000 000	133,33
1.14	Vốn quy hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, kinh phí xác định chi phí hạ tầng các dự án, kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất...		11 360 000	
<b>2</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO</b>	<b>256 048 000</b>	<b>307 244 000</b>	<b>119,99</b>
	Trong đó: - Kinh phí Thi đua khen thưởng	2 000 000	2 000 000	100,00
	- KP đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức của Trung tâm BDCT	1 549 820	1 235 650	79,73
	- Trung tâm giáo dục - dạy nghề thành phố	3 389 343	4 015 868	118,49
<b>3</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ</b>	<b>26 666 100</b>	<b>30 563 000</b>	<b>114,61</b>

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	DỰ TOÁN NĂM 2024	So sánh DT2024/2023
<b>4</b>	<b>SỰ NGHIỆP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b>	<b>12 577 000</b>	<b>6 577 000</b>	<b>52,29</b>
4.1	Kinh phí xử lý môi trường	5 307 000	5 307 000	100,00
4.2	Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh	6 000 000		
4.3	Sự nghiệp tài nguyên môi trường	1 270 000	1 270 000	100,00
<b>5</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN, THỂ DỤC THỂ THAO, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH</b>	<b>9 131 579</b>	<b>14 031 547</b>	<b>153,66</b>
5.1	Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông	3 181 579	3 581 547	112,57
5.2	Tổ chức các ngày lễ	2 500 000	3 000 000	120,00
5.3	Tổ chức tuần văn hóa du lịch và tổ chức 20 năm thành lập thành phố Đồng Hới	3 000 000	7 000 000	233,33
5.5	Kinh phí thực hiện Nghị quyết văn minh đô thị	450 000	450 000	100,00
<b>6</b>	<b>CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI</b>	<b>33 249 461</b>	<b>41 164 000</b>	<b>123,80</b>
<b>7</b>	<b>CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>53 149 568</b>	<b>58 974 412</b>	<b>110,96</b>
7.1	Chi hoạt động của Cơ quan Đảng	14 427 111	16 941 099	117,43
7.1.1	Thành ủy: Chi lương + hoạt động	11 587 185	13 674 989	118,02
7.1.2	Thành ủy: Kinh phí thực hiện chế độ theo QĐ 1871	2 839 926	3 266 110	115,01
7.2	Chi quản lý Nhà nước	30 296 158	32 545 469	107,42
7.2.1	Lương và chi hoạt động	28 156 958	30 416 269	108,02
7.2.2	Chi công tác cải cách hành chính	655 200	655 200	100,00
-	Kinh phí hoạt động trang WEB và Trung tâm một cửa liên thông	605 200	605 200	100,00
-	KP rà soát hệ thống văn bản QPPL và kiểm soát TTHC	50 000	50 000	100,00
7.2.3	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	110 000	110 000	100,00
7.2.4	Công tác tài chính thành phố	110 000	110 000	100,00
7.2.5	Công tác thanh tra thành phố + trang cấp đồng phục thanh tra	110 000	110 000	100,00
7.2.6	Công tác tiếp công dân	144 000	144 000	100,00
7.2.7	Thi đua khen thưởng	1 000 000	1 000 000	100,00
7.2.8	Chi công tác chỉ đạo điều hành CCHC (BCĐ CCHC)	10 000		0,00
7.3	Hỗ trợ hội đoàn thể	6 631 299	7 697 844	116,08
7.3.1	Lương và chi hoạt động	6 631 299	7 697 844	116,08
7.4	Các ban chỉ đạo	790 000	770 000	97,47
7.5	Kinh phí đại hội các hội đoàn thể	600 000	890 000	148,33
7.6	Kinh phí ứng dụng phần mềm ngành tài chính	405 000	130 000	32,10
<b>8</b>	<b>CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>7 540 303</b>	<b>8 630 710</b>	<b>114,46</b>
8.1	Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	600 000	610 000	101,67
8.2	KP phục vụ công tác cấp căn cước công dân và đăng ký quản lý cư trú	100 000	100 000	100,00
8.3	Kinh phí mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác	250 000	250 000	100,00
8.4	Chi bảo vệ bí mật nhà nước		100 000	
8.5	Kinh phí thực hiện đề án 06	100 000	100 000	100,00
8.6	Chi an toàn giao thông	380 000	380 000	100,00
8.7	Chi quốc phòng	4 458 875	5 203 472	116,70
8.8	Đại đội pháo 37mm	1 551 428	1 767 238	113,91
8.9	Hỗ trợ KP hoạt động Đồn biên phòng Nhật Lệ	100 000	120 000	120,00

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	DỰ TOÁN NĂM 2024	So sánh DT2024/2023
<b>9</b>	<b>CHI KHÁC NGÂN SÁCH</b>	<b>13 728 000</b>	<b>13 689 643</b>	<b>99,72</b>
9.1	Đoàn ra đoàn vào	2 000 000	500 000	25,00
9.2	Xét xử lưu động, hoạt động của đoàn hội thẩm nhân dân và hoạt động thi hành án dân sự	270 000	330 000	122,22
9.3	Thống kê (xây dựng niêm giám thống kê)	250 000	250 000	100,00
9.4	Vốn ủy thác cho Ngân hàng CSXH cho vay	2 600 000	4 000 000	153,85
9.5	Bệnh viện đa khoa TP (KP chăm sóc sức khỏe cán bộ)	460 000	460 000	100,00
9.6	Hỗ trợ công đoàn thành phố (liên đoàn lao động)	57 898	59 541	102,84
9.7	Chi khác	2 740 102	2 740 102	100,00
9.8	Chi hỗ trợ khác	2 850 000	2 850 000	100,00
9.9	Các hoạt động đón năm mới	1 500 000	1 500 000	100,00
9.10	KP làm việc với các sở, ban ngành	1 000 000	1 000 000	100,00
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	<b>18 751 913</b>	<b>18 290 268</b>	<b>97,54</b>
<b>B</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG</b>	<b>37 266 311</b>	<b>54 531 520</b>	<b>146,33</b>
1	Chi bổ sung cân đối	37 266 311	54 531 520	146,33

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2024**

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 432/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng		P. Nam Lý		P. Bắc Lý		P. Đồng Sơn	
		Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng
	<b>TỔNG THU (A+B+C+D+F)</b>	<b>1.554.272.000</b>	<b>260.325.740</b>	<b>31.525.000</b>	<b>10.131.838</b>	<b>448.821.000</b>	<b>53.187.860</b>	<b>4.404.000</b>	<b>7.795.520</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG THU TÍNH CÂN ĐỐI</b>	<b>1.554.272.000</b>	<b>194.237.800</b>	<b>31.525.000</b>	<b>6.090.600</b>	<b>448.821.000</b>	<b>47.191.300</b>	<b>4.404.000</b>	<b>963.800</b>
<b>A*</b>	<b>Thu cân đối trừ tiền sử dụng đất</b>	<b>73.272.000</b>	<b>31.137.800</b>	<b>8.525.000</b>	<b>3.790.600</b>	<b>7.821.000</b>	<b>3.091.300</b>	<b>1.404.000</b>	<b>663.800</b>
1	Thu thuế NQD	17.800.000	7.145.000	2.733.000	1.093.200	2.322.000	928.800	433.000	173.200
	- Thuế GTGT	17.407.000	6.962.800	2.688.000	1.075.200	2.294.000	917.600	421.000	168.400
	Trong đó: Thuế thầu XD	1.832.000	732.800	200.000	80.000	350.000	140.000	90.000	36.000
	- Thu khác	-	-						
	- Thuế tài nguyên	250.000	125.000		-		-	-	-
	- Thuế TTĐB (hộ cá thể)	143.000	57.200	45.000	18.000	28.000	11.200	12.000	4.800
2	Thuế TNCN	8.354.000	3.341.600	1.680.000	672.000	1.125.000	450.000	216.000	86.400
3	Lệ phí trước bạ	21.438.000	9.857.000	1.100.000	330.000	1.942.000	582.600	272.000	81.600
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9.500.000	6.650.000	1.500.000	1.050.000	1.162.000	813.400	332.000	232.400
5	Thu cấp quyền sử dụng đất	1.481.000.000	163.100.000	23.000.000	2.300.000	441.000.000	44.100.000	3.000.000	300.000
-	Thu điều tiết	1.378.000.000	163.100.000	23.000.000	2.300.000	441.000.000	44.100.000	3.000.000	300.000
-	Dự kiến đầu tư hạ tầng	103.000.000	-			-			
6	Thu tiền thuê đất (Chi Cục Thuế quản lý)	11.800.000	590.000	728.000	36.400	902.000	45.100	36.000	1.800
7	Thu phí, lệ phí	2.250.000	1.424.200	370.000	195.000	238.000	141.400	110.000	83.400
	- Xã, phường thu	980.000	980.000	120.000	120.000	100.000	100.000	72.000	72.000
	- Lệ phí môn bài (hộ cá thể)	1.260.000	439.200	250.000	75.000	138.000	41.400	38.000	11.400
	- Phí BVMT	10.000	5.000		-	-	-	-	-
8	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	144.000	144.000	14.000	14.000		-		
9	Thu khác ngân sách	1.986.000	1.986.000	400.000	400.000	130.000	130.000	5.000	5.000
<b>B</b>	<b>THU TỪ NGUỒN CCTL CHƯA SỬ DỤNG HẾT</b>		<b>2.850.793</b>						<b>200.000</b>
<b>C</b>	<b>THU BS CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH TP</b>	-	<b>54.531.520</b>		<b>3.041.426</b>		<b>5.008.437</b>		<b>5.484.828</b>
<b>D</b>	<b>THU BS CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TP</b>	-	<b>6.971.360</b>	-	<b>623.200</b>		<b>633.200</b>		<b>1.117.680</b>
<b>F</b>	<b>THU ĐIỀU TIẾT TỪ THU TIỀN THUÊ ĐẤT DO CỤC THUẾ QUẢN LÝ</b>		<b>1.734.267</b>	-	<b>376.612</b>		<b>354.923</b>	-	<b>29.212</b>

TT	Nội dung	P. Đông Phú		P. Hải Thành		P. Phú Hải		P. Đông Hải	
		Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng
	<b>TỔNG THU (A+B+C+D+F)</b>	<b>170.594.000</b>	<b>20.237.391</b>	<b>18.412.000</b>	<b>7.170.951</b>	<b>458.130.000</b>	<b>45.354.918</b>	<b>28.333.000</b>	<b>7.824.552</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG THU TÍNH CÂN ĐỐI</b>	<b>170.594.000</b>	<b>18.165.400</b>	<b>18.412.000</b>	<b>2.464.750</b>	<b>458.130.000</b>	<b>41.135.650</b>	<b>28.333.000</b>	<b>5.272.500</b>
<b>A*</b>	<b>Thu cân đối trừ tiền sử dụng đất</b>	<b>13.094.000</b>	<b>4.915.400</b>	<b>3.412.000</b>	<b>964.750</b>	<b>5.130.000</b>	<b>1.635.650</b>	<b>8.333.000</b>	<b>3.272.500</b>
1	Thu thuế NQD	3.644.000	1.457.600	452.000	180.800	626.000	250.400	3.500.000	1.400.000
	- Thuế GTGT	3.613.000	1.445.200	452.000	180.800	626.000	250.400	3.500.000	1.400.000
	Trong đó: Thuế thầu XD	370.000	148.000	75.000	30.000	27.000	10.800	50.000	20.000
	- Thu khác								
	- Thuế tài nguyên		-		-		-		-
	- Thuế TTDB (hộ cá thể)	31.000	12.400		-		-		-
2	Thuế TNCN	1.456.000	582.400	224.000	89.600	305.000	122.000	1.600.000	640.000
3	Lệ phí trước bạ	3.270.000	981.000	410.000	123.000	2.345.000	703.500	620.000	186.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.753.000	1.227.100	392.000	274.400	642.000	449.400	899.000	629.300
5	Thu cấp quyền sử dụng đất	157.500.000	13.250.000	15.000.000	1.500.000	453.000.000	39.500.000	20.000.000	2.000.000
-	Thu điều tiết	132.500.000	13.250.000	15.000.000	1.500.000	395.000.000	39.500.000	20.000.000	2.000.000
-	Dự kiến đầu tư hạ tầng	25.000.000				58.000.000			
6	Thu tiền thuê đất (Chỉ Cục Thuế quản lý)	2.268.000	113.400	1.693.000	84.650	1.125.000	56.250	1.144.000	57.200
7	Thu phí, lệ phí	303.000	153.900	71.000	42.300	67.000	34.100	402.000	192.000
	- Xã, phường thu	90.000	90.000	30.000	30.000	20.000	20.000	102.000	102.000
	- Lệ phí môn bài (hộ cá thể)	213.000	63.900	41.000	12.300	47.000	14.100	300.000	90.000
	- Phí BVMT		-	-					
8	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		-				-		-
9	Thu khác ngân sách	400.000	400.000	170.000	170.000	20.000	20.000	168.000	168.000
<b>B</b>	<b>THU TỪ NGUỒN CCTL CHƯA SỬ DỤNG HẾT</b>		<b>300.000</b>		<b>200.000</b>		<b>300.000</b>		<b>500.000</b>
<b>C</b>	<b>THU BS CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH TP</b>		<b>1.224.336</b>		<b>4.043.688</b>		<b>3.461.434</b>		<b>1.462.097</b>
<b>D</b>	<b>THU BS CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TP</b>		<b>467.680</b>		<b>412.160</b>		<b>315.520</b>		<b>412.160</b>
<b>F</b>	<b>THU ĐIỀU TIẾT TỪ THU TIỀN THUẾ ĐẤT DO CỤC THUẾ QUẢN LÝ</b>	-	<b>79.975</b>	-	<b>50.353</b>	-	<b>142.314</b>	-	<b>177.795</b>

*Chu*

TT	Nội dung	X. Đức Ninh		X. Nghĩa Ninh		X. Lộc Ninh		X. Thuận Đức	
		Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng
	<b>TỔNG THU (A+B+C+D+F)</b>	<b>62.945.000</b>	<b>25.148.200</b>	<b>9.052.000</b>	<b>7.990.594</b>	<b>12.955.000</b>	<b>9.944.119</b>	<b>2.508.000</b>	<b>5.036.446</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG THU TÍNH CÂN ĐỐI</b>	<b>62.945.000</b>	<b>19.308.900</b>	<b>9.052.000</b>	<b>3.008.500</b>	<b>12.955.000</b>	<b>4.730.400</b>	<b>2.508.000</b>	<b>843.700</b>
<b>A*</b>	<b>Thu cân đối trừ tiền sử dụng đất</b>	<b>1.445.000</b>	<b>858.900</b>	<b>1.052.000</b>	<b>608.500</b>	<b>2.955.000</b>	<b>1.730.400</b>	<b>2.508.000</b>	<b>843.700</b>
1	Thu thuế NQD	337.000	134.800	150.000	65.000	801.000	340.400	900.000	360.000
	- Thuế GTGT	337.000	134.800	100.000	40.000	599.000	239.600	900.000	360.000
	Trong đó: Thuế thầu XD	70.000	28.000	40.000	16.000	150.000	60.000	50.000	20.000
	- Thu khác								
	- Thuế tài nguyên	-	-	50.000	25.000	200.000	100.000		-
	- Thuế TTĐB (hộ cá thể)		-		-	2.000	800		-
2	Thuế TNCN	166.000	66.400	53.000	21.200	300.000	120.000	200.000	80.000
3	Lệ phí trước bạ	500.000	350.000	536.000	375.200	640.000	448.000	190.000	133.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	238.000	166.600	82.000	57.400	561.000	392.700	126.000	88.200
5	Thu cấp quyền sử dụng đất	61.500.000	18.450.000	8.000.000	2.400.000	10.000.000	3.000.000	-	-
	- Thu điều tiết	61.500.000	18.450.000	8.000.000	2.400.000	10.000.000	3.000.000	-	-
	- Dự kiến đầu tư hạ tầng	-	-						
6	Thu tiền thuê đất (Chi Cục Thuế quản lý)	58.000	2.900	140.000	7.000	220.000	11.000	952.000	47.600
7	Thu phí, lệ phí	76.000	68.200	61.000	52.700	201.000	186.300	40.000	34.900
	- Xã, phường thu	50.000	50.000	40.000	40.000	152.000	152.000	23.000	23.000
	- Lệ phí môn bài (hộ cá thể)	26.000	18.200	11.000	7.700	49.000	34.300	17.000	11.900
	- Phí BVMT	-	-	10.000	5.000		-		-
8	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		-		-	100.000	100.000		
9	Thu khác ngân sách	70.000	70.000	30.000	30.000	132.000	132.000	100.000	100.000
<b>B</b>	<b>THU TỪ NGUỒN CCTL CHƯA SỬ DỤNG HẾT</b>		<b>500.000</b>		<b>100.000</b>				<b>200.000</b>
<b>C</b>	<b>THU BS CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH TP</b>		<b>4.903.412</b>		<b>4.478.206</b>		<b>4.652.006</b>		<b>3.717.566</b>
<b>D</b>	<b>THU BS CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TP</b>		<b>428.800</b>		<b>389.920</b>		<b>467.680</b>		<b>273.280</b>
<b>F</b>	<b>THU ĐIỀU TIẾT TỪ THU TIỀN THUÊ ĐẤT DO CỤC THUẾ QUẢN LÝ</b>	-	<b>7.088</b>	-	<b>13.968</b>	-	<b>94.033</b>	-	<b>1.900</b>

*Chu*

TT	Nội dung	X. Bảo Ninh		X. Quang Phú		P. Bắc Nghĩa		P. Đức Ninh Đông	
		Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng	Tổng thu	Được hưởng
	<b>TỔNG THU (A+B+C+D+F)</b>	<b>108.499.000</b>	<b>11.417.941</b>	<b>73.879.000</b>	<b>26.889.356</b>	<b>4.742.000</b>	<b>6.686.891</b>	<b>119.473.000</b>	<b>15.509.163</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG THU TÍNH CÂN ĐỐI</b>	<b>108.499.000</b>	<b>10.707.650</b>	<b>73.879.000</b>	<b>22.115.550</b>	<b>4.742.000</b>	<b>1.311.550</b>	<b>119.473.000</b>	<b>10.927.550</b>
<b>A*</b>	<b>Thu cân đối trừ tiền sử dụng đất</b>	<b>8.499.000</b>	<b>5.707.650</b>	<b>1.879.000</b>	<b>515.550</b>	<b>3.742.000</b>	<b>1.211.550</b>	<b>3.473.000</b>	<b>1.327.550</b>
1	Thu thuế NQD	729.000	291.600	166.000	66.400	595.000	238.000	412.000	164.800
	- Thuế GTGT	719.000	287.600	166.000	66.400	580.000	232.000	412.000	164.800
	Trong đó: Thuế thầu XD	130.000	52.000	70.000	28.000	90.000	36.000	70.000	28.000
	- Thu khác	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Thuế TTĐB (hộ cá thể)	10.000	4.000	-	-	15.000	6.000	-	-
2	Thuế TNCN	350.000	140.000	75.000	30.000	287.000	114.800	317.000	126.800
3	Lệ phí trước bạ	6.498.000	4.548.600	200.000	140.000	1.502.000	450.600	1.413.000	423.900
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	527.000	368.900	185.000	129.500	408.000	285.600	693.000	485.100
5	Thu cấp quyền sử dụng đất	100.000.000	5.000.000	72.000.000	21.600.000	1.000.000	100.000	116.000.000	9.600.000
	- Thu điều tiết	100.000.000	5.000.000	72.000.000	21.600.000	1.000.000	100.000	96.000.000	9.600.000
	- Dự kiến đầu tư hạ tầng	-	-	-	-	-	-	20.000.000	-
6	Thu tiền thuê đất (Chi Cục Thuế quản lý)	27.000	1.350	1.157.000	57.850	829.000	41.450	521.000	26.050
7	Thu phí, lệ phí	98.000	87.200	36.000	31.800	91.000	51.100	86.000	69.900
	- Xã, phường thu	62.000	62.000	22.000	22.000	34.000	34.000	63.000	63.000
	- Lệ phí môn bài (hộ cá thể)	36.000	25.200	14.000	9.800	57.000	17.100	23.000	6.900
	- Phí BVMT	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	-	-	-	-	-	-	30.000	30.000
9	Thu khác ngân sách	270.000	270.000	60.000	60.000	30.000	30.000	1.000	1.000
<b>B</b>	<b>THU TỪ NGUỒN CCTL CHƯA SỬ DỤNG HẾT</b>		<b>50.793</b>		<b>500.000</b>				
<b>C</b>	<b>THU BS CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH TP</b>		-		<b>3.937.260</b>		<b>4.925.241</b>		<b>4.191.583</b>
<b>D</b>	<b>THU BS CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TP</b>		<b>415.840</b>		<b>234.400</b>		<b>428.800</b>		<b>351.040</b>
<b>F</b>	<b>THU ĐIỀU TIẾT TỪ THU TIỀN THUÊ ĐẤT DO CỤC THUẾ QUẢN LÝ</b>	-	<b>243.658</b>	-	<b>102.146</b>	-	<b>21.300</b>	-	<b>38.990</b>

**KẾ HOẠCH CHI NGÂN SÁCH CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2024**

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 432/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của UBND thành phố)

ĐVT: Nghìn đồng

Nội dung	Tổng cộng	P. Nam Lý	P. Bắc Lý	P. Đồng Sơn	P. Đồng Phú	P. Hải Thành	P. Phú Hải	P. Đồng Hải
<b>Tổng chi ngân sách xã (A+B+C)</b>	<b>260.325.740</b>	<b>10.131.838</b>	<b>53.187.860</b>	<b>7.795.520</b>	<b>20.237.391</b>	<b>7.170.951</b>	<b>45.354.918</b>	<b>7.824.552</b>
<b>A. Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>253.354.380</b>	<b>9.508.638</b>	<b>52.554.660</b>	<b>6.677.840</b>	<b>19.769.711</b>	<b>6.758.791</b>	<b>45.039.398</b>	<b>7.412.392</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>163.100.000</b>	<b>2.300.000</b>	<b>44.100.000</b>	<b>300.000</b>	<b>13.250.000</b>	<b>1.500.000</b>	<b>39.500.000</b>	<b>2.000.000</b>
- Từ nguồn Quỹ đất	163.100.000	2.300.000	44.100.000	300.000	13.250.000	1.500.000	39.500.000	2.000.000
<i>Trong đó: Chi đầu tư phát triển cho GDDT</i>	<i>32.620.000</i>	<i>460.000</i>	<i>8.820.000</i>	<i>60.000</i>	<i>2.650.000</i>	<i>300.000</i>	<i>7.900.000</i>	<i>400.000</i>
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>85.286.648</b>	<b>7.022.194</b>	<b>7.424.176</b>	<b>6.246.902</b>	<b>6.132.070</b>	<b>5.126.266</b>	<b>4.656.273</b>	<b>5.267.051</b>
<b>1. Chi Quốc phòng</b>	<b>4.368.842</b>	<b>385.373</b>	<b>387.469</b>	<b>316.690</b>	<b>324.820</b>	<b>267.654</b>	<b>205.558</b>	<b>252.919</b>
- Chi theo NĐ72/2020 (Luật DQTV)	2.540.797	236.059	232.355	184.249	194.479	158.486	111.994	143.082
- Chi quốc phòng	362.000	29.400	35.200	28.000	25.900	20.200	16.200	17.000
- Huấn luyện dân quân tại chỗ	537.680	58.023	58.023	42.550	42.550	27.077	15.473	30.946
- Huấn luyện dân quân cơ động	928.365	61.891	61.891	61.891	61.891	61.891	61.891	61.891
<b>2. Chi an ninh</b>	<b>2.993.300</b>	<b>416.668</b>	<b>577.088</b>	<b>449.856</b>	<b>280.676</b>	<b>250.752</b>	<b>106.288</b>	<b>224.824</b>
- Chi an ninh	206.900	17.500	22.400	14.400	13.700	8.400	5.200	5.800
- Chi ban bảo vệ dân phố (NĐ 38)	2.786.400	399.168	554.688	435.456	266.976	242.352	101.088	219.024
<b>3. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo</b>	<b>450.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>
<i>Trong đó: KP triển khai QĐ 281/QĐ-TTg của Thủ tướng (Học tập suốt đời)</i>	<i>150.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>
<b>4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>192.500</b>	<b>15.400</b>	<b>20.600</b>	<b>16.900</b>	<b>13.600</b>	<b>9.200</b>	<b>5.400</b>	<b>6.600</b>
<b>5. Sự nghiệp Văn hóa, Thông tin, TDTT</b>	<b>466.300</b>	<b>42.800</b>	<b>52.400</b>	<b>36.700</b>	<b>35.200</b>	<b>24.800</b>	<b>18.400</b>	<b>19.500</b>
<b>6. Sự nghiệp kinh tế</b>	-							
<b>7. Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể</b>	<b>73.213.654</b>	<b>5.803.011</b>	<b>6.053.996</b>	<b>5.214.863</b>	<b>5.238.935</b>	<b>4.482.794</b>	<b>3.987.268</b>	<b>4.675.413</b>
- Các khoản lương và phụ cấp	59.626.886	4.551.586	4.745.279	4.279.486	4.211.732	3.711.308	3.313.177	3.836.502
+ Phụ cấp cấp uỷ	1.438.560	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	90.720	103.680
+ Hoạt động phí đại biểu HĐND cấp xã	2.125.440	136.080	123.120	129.600	136.080	129.600	136.080	129.600
+ PC người hoạt động KCT cấp xã	6.156.000	453.600	453.600	453.600	453.600	388.800	388.800	388.800
+ PC người hoạt động KCT ở thôn, TDP	13.478.400	1.458.000	1.458.000	1.069.200	1.069.200	680.400	388.800	680.400
+ PC Công an xã bán chuyên trách	732.240							
+ PC cán bộ một cửa	108.000	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200
+ Lương, PC, BH cán bộ chuyên trách	35.588.246	2.399.506	2.606.159	2.522.686	2.448.452	2.408.108	2.301.577	2.526.822

Nội dung	Tổng cộng	P. Nam Lý	P. Bắc Lý	P. Đồng Sơn	P. Đồng Phú	P. Hải Thành	P. Phú Hải	P. Đồng Hải
- Chi hoạt động	7.321.248	616.251	681.242	471.813	527.074	436.262	406.899	430.369
- Chi hoạt động cho Đảng bộ cơ sở theo Quyết định 99-TW	1.785.856	199.094	197.395	123.372	159.937	90.920	84.304	158.238
- Chi hoạt động của HĐND cấp xã theo Nghị quyết 41/2022/NQ-HĐND	750.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
- Kinh phí theo NQ 34/2018/NQ-HĐND tính (bao gồm: Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, Cuộc vận động của UBMTTQVN cấp xã, Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư)	1.060.000	100.000	100.000	80.000	80.000	60.000	45.000	60.000
- Hỗ trợ Đội trưởng, đội phó Đội dân phòng theo Nghị quyết 12/2021/NQ-HĐND	2.393.664	262.080	262.080	192.192	192.192	122.304	69.888	122.304
- Hỗ trợ kinh phí hoạt động các Tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp	276.000	24.000	18.000	18.000	18.000	12.000	18.000	18.000
<b>8. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội</b>	<b>3.414.471</b>	<b>311.086</b>	<b>282.361</b>	<b>166.490</b>	<b>194.526</b>	<b>49.220</b>	<b>294.191</b>	<b>45.820</b>
- Quỹ trợ cấp cán bộ xã, phường đã nghỉ việc	3.172.871	289.486	254.161	145.890	176.626	37.620	287.191	37.620
- Chi khác	241.600	21.600	28.200	20.600	17.900	11.600	7.000	8.200
<b>9. Chi khác</b>	<b>187.581</b>	<b>17.856</b>	<b>20.262</b>	<b>15.403</b>	<b>14.313</b>	<b>11.846</b>	<b>9.168</b>	<b>11.975</b>
<b>III. Chi Dự phòng (2%)</b>	<b>4.967.732</b>	<b>186.444</b>	<b>1.030.484</b>	<b>130.938</b>	<b>387.641</b>	<b>132.525</b>	<b>883.125</b>	<b>145.341</b>
<b>B. Các khoản chi có mục tiêu từ nguồn NS cấp trên</b>	<b>6.971.360</b>	<b>623.200</b>	<b>633.200</b>	<b>1.117.680</b>	<b>467.680</b>	<b>412.160</b>	<b>315.520</b>	<b>412.160</b>
- Hỗ trợ kinh phí duy trì phổ đi bộ	200.000					100.000		100.000
- Hỗ trợ KP hoà giải ở cơ sở theo NQ 106/2015/NQ-HĐND tính	300.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
- Hỗ trợ UBND phường Đồng Sơn bồi thường bản án của Toá án nhân dân tỉnh cho Cty TNHH dịch vụ Thủy sản Nhật Lệ	500.000			500.000				
- Hỗ trợ kinh phí quản lý, vận hành Sân vận động thành phố Đồng Hới	120.000			120.000				
- Hỗ trợ tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cơ sở (trong đó Đại hội điểm Mặt trận 10 triệu)	310.000	20.000	30.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
- KP bảo vệ Nghĩa trang Liệt sỹ Đồng Sơn	30.000			30.000				
- Hỗ trợ xây dựng Lịch sử Đảng bộ	120.000						120.000	
- Hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	5.391.360	583.200	583.200	427.680	427.680	272.160	155.520	272.160

Nội dung	X. Đức Ninh	X. Nghĩa Ninh	X. Lộc Ninh	X. Thuận Đức	X. Bảo Ninh	X. Quang Phú	P. Bắc Nghĩa	P. Đức Ninh Đông
<b>Tổng chi ngân sách xã (A+B+C)</b>	<b>25.148.200</b>	<b>7.990.594</b>	<b>9.944.119</b>	<b>5.036.446</b>	<b>11.417.941</b>	<b>26.889.356</b>	<b>6.686.891</b>	<b>15.509.163</b>
<b>A. Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>24.719.400</b>	<b>7.600.674</b>	<b>9.476.439</b>	<b>4.763.166</b>	<b>11.002.101</b>	<b>26.654.956</b>	<b>6.258.091</b>	<b>15.158.123</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>18.450.000</b>	<b>2.400.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000</b>	<b>21.600.000</b>	<b>100.000</b>	<b>9.600.000</b>
- Từ nguồn Quỹ đất	18.450.000	2.400.000	3.000.000	-	5.000.000	21.600.000	100.000	9.600.000
<i>Trong đó: Chi đầu tư phát triển cho GDDT</i>	<i>3.690.000</i>	<i>480.000</i>	<i>600.000</i>	<i>-</i>	<i>1.000.000</i>	<i>4.320.000</i>	<i>20.000</i>	<i>1.920.000</i>
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>5.784.706</b>	<b>5.051.641</b>	<b>6.290.626</b>	<b>4.669.771</b>	<b>5.786.374</b>	<b>4.532.310</b>	<b>6.035.383</b>	<b>5.260.905</b>
<b>1. Chi Quốc phòng</b>	<b>301.670</b>	<b>293.363</b>	<b>318.222</b>	<b>228.907</b>	<b>273.372</b>	<b>219.338</b>	<b>312.852</b>	<b>280.635</b>
- Chi theo ND72/2020 (Luật DQTV)	175.597	174.858	182.981	125.407	157.135	121.306	183.879	158.930
- Chi quốc phòng	25.500	21.800	30.800	18.400	23.400	16.800	28.400	25.000
- Huấn luyện dân quân tại chỗ	38.682	34.814	42.550	23.209	30.946	19.341	38.682	34.814
- Huấn luyện dân quân cơ động	61.891	61.891	61.891	61.891	61.891	61.891	61.891	61.891
<b>2. Chi an ninh</b>	<b>19.100</b>	<b>14.400</b>	<b>25.400</b>	<b>10.200</b>	<b>16.600</b>	<b>8.400</b>	<b>387.448</b>	<b>205.600</b>
- Chi an ninh	19.100	14.400	25.400	10.200	16.600	8.400	14.200	11.200
- Chi ban bảo vệ dân phố (ND 38)							373.248	194.400
<b>3. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>
<i>Trong đó: KP triển khai QĐ 281/QĐ-TTg của Thủ tướng (Học tập suốt đời)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>
<b>4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>14.400</b>	<b>11.500</b>	<b>20.400</b>	<b>7.800</b>	<b>11.000</b>	<b>6.500</b>	<b>18.000</b>	<b>15.200</b>
<b>5. Sự nghiệp Văn hóa, Thông tin, TDTT</b>	<b>32.800</b>	<b>26.000</b>	<b>39.700</b>	<b>21.200</b>	<b>31.500</b>	<b>18.800</b>	<b>36.200</b>	<b>30.300</b>
<b>6. Sự nghiệp kinh tế</b>								
<b>7. Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể</b>	<b>5.000.329</b>	<b>4.474.177</b>	<b>5.350.846</b>	<b>4.282.834</b>	<b>5.180.219</b>	<b>4.016.853</b>	<b>4.958.662</b>	<b>4.493.454</b>
- Các khoản lương và phụ cấp	4.081.991	3.677.224	4.403.653	3.553.072	4.129.749	3.357.695	4.058.971	3.715.461
+ Phụ cấp cấp uỷ	90.720	97.200	97.200	90.720	97.200	90.720	97.200	97.200
+ Hoạt động phi đại biểu HĐND cấp xã	155.520	149.040	162.000	155.520	149.040	162.000	136.080	136.080
+ PC người hoạt động KCT cấp xã	388.800	324.000	453.600	388.800	453.600	388.800	388.800	388.800
+ PC người hoạt động KCT ở thôn, TDP	972.000	874.800	1.069.200	583.200	939.600	486.000	972.000	777.600
+ PC Công an xã bán chuyên trách	151.200	125.280	166.320	84.240	129.600	75.600		
+ PC cán bộ một cửa	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200
+ Lương, PC, BH cán bộ chuyên trách	2.316.551	2.099.704	2.448.133	2.243.392	2.353.509	2.147.375	2.457.691	2.308.581

Nội dung	X. Đức Ninh	X. Nghĩa Ninh	X. Lộc Ninh	X. Thuận Đức	X. Bảo Ninh	X. Quang Phú	P. Bắc Nghĩa	P. Đức Ninh Đông
- Chi hoạt động	469.895	421.255	474.957	411.079	685.244	392.569	463.516	432.823
- Chi hoạt động cho Đảng bộ cơ sở theo Quyết định 99-TW	118.723	86.450	132.044	78.851	86.450	67.229	118.455	84.394
- Chi hoạt động của HĐND cấp xã theo Nghị quyết 41/2022/NQ-HĐND	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
- Kinh phí theo NQ 34/2018/NQ-HĐND tỉnh (bao gồm: Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, Cuộc vận động của UBMTTQVN cấp xã, Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư)	75.000	70.000	80.000	55.000	65.000	50.000	75.000	65.000
- Hỗ trợ Đội trưởng, đội phó Đội dân phòng theo Nghị quyết 12/2021/NQ-HĐND	174.720	157.248	192.192	104.832	139.776	87.360	174.720	139.776
- Hỗ trợ kinh phí hoạt động các Tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp	30.000	12.000	18.000	30.000	24.000	12.000	18.000	6.000
<b>8. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội</b>	<b>375.641</b>	<b>192.521</b>	<b>494.701</b>	<b>80.250</b>	<b>231.541</b>	<b>224.341</b>	<b>277.656</b>	<b>194.126</b>
- Quỹ trợ cấp cán bộ xã, phường đã nghỉ việc	357.841	178.921	470.701	70.650	216.541	216.541	256.456	176.626
- Chi khác	17.800	13.600	24.000	9.600	15.000	7.800	21.200	17.500
<b>9. Chi khác</b>	<b>10.766</b>	<b>9.680</b>	<b>11.357</b>	<b>8.580</b>	<b>12.142</b>	<b>8.078</b>	<b>14.565</b>	<b>11.590</b>
<b>III. Chi Dự phòng (2%)</b>	<b>484.694</b>	<b>149.033</b>	<b>185.813</b>	<b>93.395</b>	<b>215.727</b>	<b>522.646</b>	<b>122.708</b>	<b>297.218</b>
<b>B. Các khoản chi có mục tiêu từ nguồn NS cấp trên</b>	<b>428.800</b>	<b>389.920</b>	<b>467.680</b>	<b>273.280</b>	<b>415.840</b>	<b>234.400</b>	<b>428.800</b>	<b>351.040</b>
- Hỗ trợ kinh phí duy trì phổ đi bộ								
- Hỗ trợ KP hoà giải ở cơ sở theo NQ 106/2015/NQ-HĐND tỉnh	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
- Hỗ trợ UBND phường Đồng Sơn bồi thường bản án của Toá án nhân dân tỉnh cho Cty TNHH dịch vụ Thủy sản Nhật Lệ								
- Hỗ trợ kinh phí quản lý, vận hành Sân vận động thành phố Đồng Hới								
- Hỗ trợ tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cơ sở (trong đó Đại hội điểm Mặt trận 10 triệu)	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
- KP bảo vệ Nghĩa trang Liệt sỹ Đồng Sơn								
- Hỗ trợ xây dựng Lịch sử Đảng bộ								
- Hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố	388.800	349.920	427.680	233.280	375.840	194.400	388.800	311.040